

Đánh giá cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Đồng Nai giai đoạn 1999-2009

BÙI VĂN HUYỀN

Đồng Nai là một trong những địa phương thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong giai đoạn 1999 - 2009 đã đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh so với các tỉnh trong khu vực và gấp đôi tốc độ tăng trưởng chung của cả nước. Tuy nhiên, nhìn lại giai đoạn 10 năm qua, nhất là từ sau khủng hoảng kinh tế năm 2008 cho thấy, Đồng Nai dường như sắp chạm trần của giới hạn tăng trưởng theo chiều rộng, xu hướng chuyển dịch cơ cấu nhằm tăng trưởng theo chiều sâu chưa thật rõ nét. Vậy hiện trạng cơ cấu kinh tế của Đồng Nai cũng như xu hướng vận động phát triển và những vấn đề đang đặt ra? cần thúc đẩy chuyển dịch theo cơ cấu kinh tế hướng nào và bằng những giải pháp gì? Đó là nội dung của bài viết này.

1. Cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

Trong 10 năm (1999-2009), cơ cấu kinh tế Đồng Nai đã từng bước chuyển dịch theo hướng hiện đại, phát triển mạnh nhóm ngành công nghiệp, dịch vụ trong khi vẫn chú trọng các ngành nông-lâm-thủy sản (bảng 1). Nếu như năm 1999,

ngành nông-lâm- thủy sản còn chiếm 24% thì đến năm 2009, tỷ trọng của nhóm ngành này chỉ chiếm 9,9% GDP tỉnh. Con số tương ứng đối với nhóm ngành công nghiệp - xây dựng là từ 50,3% (năm 1999) lên 57,3% (năm 2009), nhóm ngành dịch vụ là từ 25,6 (năm 1999) lên 32,8% (năm 2009).

BẢNG 1: Cơ cấu kinh tế ngành của Đồng Nai 1999-2009

Năm	Cơ cấu kinh tế ngành theo % GDP			GDP theo giá thực tế (tỷ đồng)
	Nông-lâm-thủy sản	Công nghiệp-xây dựng	Dịch vụ	
1999	24,1	50,3	25,6	12.234,6
2000	22,3	52,1	25,6	13.614,8
2001	21,0	53,6	25,4	15.257,3
2002	19,3	55,3	25,4	17.398,5
2003	17,5	56,7	25,8	20.359,5
2004	16,0	57,0	27,0	25.734,6
2005	15,0	57,0	28,0	30.897,2
2006	13,8	57,4	28,8	36.558,2
2007	12,1	57,9	30	43.036,0
2008	10,6	57,9	31,5	54.075,5
2009	9,9	57,3	32,8	61.933,1
Trung bình	16,4	55,7	27,8	

Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 1999 - 2009.

Bùi Văn Huyền, TS., Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Mặc dù có tỷ trọng trong GDP giảm dần, giá trị sản lượng nhóm ngành nông - lâm - thủy sản vẫn có sự tăng trưởng đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2001- 2009 là 4,7%, nếu tính riêng từ năm 2006 trở lại đây là 4,9%. Trong bối cảnh những năm gần đây sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiên tai như lũ quét gây ngập úng, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm (dịch tai xanh, lở mồm, long móng, cúm

gia cầm), bệnh hại trên cây trồng (bệnh rầy nâu, bệnh vàng lùn xoắn lá trên lúa), thêm nữa, giá cả vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, phân bón biến động và tăng cao ..., thì thành công trên của ngành nông-lâm-nghiệp nghiệp Đồng Nai là rất đáng khích lệ.

Trong nội bộ các nhóm ngành, cũng có một số sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đáng khích lệ.

a. Nhóm ngành nông - lâm - thủy sản

BẢNG 2: Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản (đ/v: %)

Ngành	Chỉ tiêu kế hoạch 2010	Thực hiện					
		2005	2006	2007	2008	2009	Bình quân
Nông nghiệp	91,94	92,41	92,53	91,94	90,54	90,4	91,56
Lâm nghiệp	0,92	1,02	1,04	1,23	1,1	1,07	1,09
Thủy sản	7,14	6,57	6,43	6,83	8,35	8,53	7,34

Nguồn: Báo cáo kết quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn 4 năm 2006 -2009, thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2006 -2010 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng Nai.

Cơ cấu kinh tế trong nội bộ nhóm ngành nông - lâm - thủy sản có sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người lao động. Cụ thể, cơ cấu sản xuất nông - lâm - thủy sản chuyển dịch đúng hướng theo qui hoạch của tỉnh, tăng dần tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng trong ngành lâm nghiệp và thủy sản đạt khá cao, tương ứng 7,24% và 13,03% trong thời kỳ 2006-2009, nhờ đó, tỷ trọng thủy sản trong nhóm ngành vượt kế hoạch đề ra hơn 1 đơn vị phần trăm.

Trong nội bộ ngành nông nghiệp giá trị sản xuất cũng dịch chuyển theo hướng giảm trồng trọt, tăng chăn nuôi. Cụ thể, nếu như năm 2004 giá trị sản xuất ngành trồng trọt chiếm 63,06%, thì tới năm 2008 chỉ còn chiếm 57,97%, trong khi trong cùng thời kì này, tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi tăng từ 33,37 % lên 38,96%. Giá trị sản xuất trồng trọt vẫn tăng trung bình 5,41%/năm, cao hơn bình quân nhóm ngành nông -lâm- thủy sản; tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành chăn nuôi còn cao hơn, bình

quân đạt 6,7%. Nếu giải quyết được những khó khăn trong chăn nuôi, đặc biệt là tình hình dịch bệnh, ngành này ở Đồng Nai còn phát triển mạnh hơn nữa. Tính trung bình toàn giai đoạn này, trồng trọt chiếm 62,56% giá trị GDP nông nghiệp, chăn nuôi chiếm 34,1%, còn lại 3,34% là dịch vụ nông nghiệp.

Để phát triển nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Đồng Nai tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Về trồng trọt, 100% diện tích lúa, bắp, mía, đậu các loại và 90% diện tích khoai mì được sử dụng giống mới, năng suất cao và chất lượng tốt hơn.

Với ngành chăn nuôi, Đồng Nai tích cực đưa giống mới vào sản xuất, chú trọng quy hoạch vùng, khuyến khích chăn nuôi, giết mổ tập trung để đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, gắn chăn nuôi với trồng trọt, xây dựng hầm biogas để tận dụng nguồn khí, điện phục vụ đời sống và sản xuất, đồng thời giải quyết môi trường.

Về ngành lâm nghiệp, trong giai đoạn 2006-2009, tốc độ tăng trưởng của ngành

đạt 7,24% cao hơn nhiều tốc độ theo qui hoạch của tỉnh là 3,02%, nhờ vậy độ che phủ rừng tăng từ 26,49% lên 29,09%. Tỉnh cũng tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng rừng, chẳng hạn, từ năm 2005, phương pháp dâm hom cây keo lai đã được sử dụng, rút ngắn chu kỳ khai thác của cây từ 9-11 năm xuống còn 5-6 năm, tăng hiệu quả sử dụng đất; năng suất thu hoạch gỗ tăng vượt bậc, từ 80-90m³/ha lên 110-130m³/ha...

Về ngành thủy sản, mặc dù tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành thủy sản còn thấp, nhưng trong thời gian qua đang có những chuyển hướng tích cực. Trong nội bộ ngành thủy sản, tỷ trọng nuôi trồng tăng từ 92,52% năm 2006, lên 94,9% năm 2009, giá trị khai thác tự nhiên giảm xuống chỉ còn 3,07%. Sản lượng thủy sản của tỉnh đã vượt chỉ tiêu đề ra cho năm 2010 (34 nghìn tấn so với 27 nghìn tấn), trong đó đóng góp chủ yếu là nhờ sản lượng thủy sản nuôi trồng. Riêng sản lượng đánh bắt không đạt chỉ tiêu, do môi trường nước ô nhiễm, đánh bắt bằng các hình thức tận diệt như xung điện, chất độc vẫn còn diễn ra, làm suy kiệt nguồn lợi thủy sản. Để hỗ trợ nuôi trồng thủy sản, tỉnh tích cực thực hiện công tác khuyến ngư, tập huấn kỹ thuật cho nông ngư dân.

Nhóm ngành nông - lâm - thủy sản đạt được một số thành công trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Thứ nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh trong hầu hết các nhóm ngành; cơ cấu nông - lâm - thủy sản có sự chuyển dịch theo hướng: tăng thủy sản, giảm nông nghiệp, tăng chăn nuôi, giảm trồng trọt; trong nội bộ các phân ngành xu hướng chung là tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, giống mới để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông - lâm - thủy sản.

Thứ hai, công tác qui hoạch vùng sản xuất được chú trọng để vừa tạo điều kiện phát triển sản xuất, vừa bảo đảm bảo vệ

môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh; cơ cấu nông - lâm - thủy sản phát triển theo hướng khai thác lợi thế của từng vùng.

Bên cạnh những thành công nêu trên, cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản cũng bộc lộ những hạn chế: chuyển dịch chưa rõ nét, không ổn định và nhiều khi mang tính tự phát, không theo qui hoạch, kế hoạch; chất lượng sản phẩm nông, thủy sản chưa ổn định, chưa đáp ứng các yêu cầu về môi trường, vệ sinh phòng dịch và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Khó khăn trong chuyển dịch cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản của tỉnh có nguyên nhân là:

Một là, do hạn chế trong nhận thức, kiến thức, nguồn lực vốn, đất đai của nông dân; sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, cơ giới hóa có áp dụng nhưng vẫn còn nhiều công việc thủ công.

Hai là, do những khó khăn khách quan trong sản xuất như giá đầu vào sản xuất tăng cao; giá đầu ra bấp bênh, không ổn định, dễ bị ép giá; rủi ro dịch bệnh lớn khiến nông dân e ngại đầu tư sản xuất.

Ba là, công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư hiệu quả còn hạn chế; việc nhân rộng các mô hình, điển hình sản xuất còn yếu; đội ngũ cán bộ kỹ thuật còn thiếu và yếu.

Bốn là, việc đưa các chủ trương, chính sách vào thực tiễn còn chậm, công tác thông tin không đảm bảo yêu cầu về thời gian.

- Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng

Công nghiệp - xây dựng là nhóm ngành chủ lực của kinh tế Đồng Nai, chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của tỉnh và cũng là nhóm ngành có năng suất lao động cao so với cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nhóm ngành này có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Đồng Nai, đảm bảo cho kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng nhanh, từng bước nâng cao hàm lượng khoa học kỹ thuật, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa của tỉnh.

Bán giá cơ cấu kinh tế ...

BẢNG 3: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp-xây dựng ở Đồng Nai (giá thực tế)

Phân ngành	2005		2006		2007		2008		2009	
	Tỷ đóng	%	Tỷ đóng	%	Tỷ đóng	%	Tỷ đóng	%	Tỷ đóng	%
Khai thác	1.122	1,0	1.114	0,7	1.445	0,8	2.441	1,0	2.643	0,9
Chế biến	107.560	93,1	139.538	93,4	172.997	93,7	228.001	94,2	267.408	94,4
Sản xuất điện, nước	1.501	1,3	1.920	1,3	2.796	1,5	4.424	1,8	4.967	1,8
Xây dựng	3.377	2,9	4.849	3,2	5.445	2,9	7.150	3	8.226	2,9
Tổng	115.565	100	149.427	100	184.690	100	247.862	100	283.244	100

Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2009 và tính toán của tác giả

Trong các ngành công nghiệp ở Đồng Nai, *nhóm các ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 93%* (bảng 3); từ năm 2005 đến năm 2009, nhóm ngành này có sự tăng nhẹ từ 93,1% lên 94,2%. Ngược lại, nhóm ngành công nghiệp khai thác mỏ, chiếm tỷ trọng nhỏ và giảm nhẹ từ 1% xuống 0,8%; còn các nhóm ngành xây dựng và sản xuất điện nước có tỷ trọng hầu như không thay đổi trong giai

đoạn này. Như vậy, nếu xét trên các nhóm ngành lớn, cơ cấu ngành công nghiệp Đồng Nai có thay đổi không đáng kể trong giai đoạn 2006-2009.

Do nhóm ngành chế biến chiếm tỷ trọng lớn nhất và bao gồm nhiều ngành công nghiệp, sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ nhóm ngành này rất đáng quan tâm. Bảng 4 trình bày cơ cấu một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu.

BẢNG 4: Cơ cấu một số ngành công nghiệp chế biến ở Đồng Nai 2001-2008 (đ/v: %)

Phân ngành	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
1. Thực phẩm, đồ uống	22,3	21,2	19,7	22,1	21,5	21,9	20,5	20,5
2. Dệt may	9,6	9,7	9,7	7,3	10,6	13,5	13,7	14,0
3. Da, sản phẩm da	11,0	11,0	12,1	12,4	13,1	14,3	11,8	11,4
4. Hóa chất	8,3	7,7	8,3	8,7	7,1	7,7	7,1	7,2
5. Cao su, nhựa	4,6	5,7	5,2	5,3	4,5	3,8	4,5	4,4
6. Máy móc thiết bị	2,6	1,7	1,8	2,0	1,7	2,3	1,9	1,9
7. Máy tính và thiết bị văn phòng	13,0	6,8	6,8	7,4	7,0	3,5	3,2	3,2
8. Máy móc thiết bị điện	5,8	6,7	6,5	6,7	6,8	5,9	7,8	8,0
9. TV, radio, truyền thông	1,1	1,4	1,0	1,1	1,7	1,6	1,3	1,4
10. Sản xuất, sửa chữa phương tiện	8,0	12,2	9,1	9,4	8,1	7,4	7,8	7,9
11. Đồ gỗ, bàn ghế	1,1	1,4	3,0	3,5	4,3	5,1	5,0	5,1
* Nhóm ngành chế tạo 6, 7, 8, 9	22,4	16,5	16,0	17,2	17,3	13,3	14,2	14,5

Ghi chú: Nhóm các ngành công nghiệp chế biến trong bảng chiếm tỷ trọng trên 80% giá trị ngành công nghiệp chế biến ở Đồng Nai.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu Niên giám thống kê Đồng Nai 2005-2008.

Ngành thực phẩm, đồ uống chiếm tỷ trọng khá lớn, khoảng 1/5 giá trị ngành công nghiệp chế biến. Tỷ trọng của ngành này có xu hướng giảm dần, từ 22,3% năm 2001 xuống 20,5%

năm 2008. Cùng chung xu hướng giảm là ngành sản xuất, sửa chữa ô tô và các phương tiện giao thông, ngành sản xuất cao su, nhựa và ngành hóa chất. Ngành sửa chữa ô tô có tỷ

trọng tăng trong giai đoạn 2002 -2004 và sau đó giảm nhẹ, năm 2008 nhóm này chiếm 7,9%. Tương tự, ngành sản xuất cao su, nhựa cũng tăng tỷ trọng trong ba năm từ 2002 – 2004, sau đó giảm; với đỉnh là 5,7% năm 2002 sau đó giảm còn 4,4% vào năm 2008. Ngành hóa chất cũng giảm tỷ trọng từ 8,3% trong năm 2001 xuống 7,2% năm 2008. Đáng lưu ý là ngành sản xuất máy móc thiết bị tỷ trọng giảm từ 2,6% năm 2001 xuống chỉ còn 1,9% năm 2008, đặc biệt ngành sản xuất máy tính và thiết bị văn phòng tỷ trọng giảm mạnh, từ 13% năm 2001 xuống 3,2%. Ở chiều ngược lại, ngành sản xuất máy móc và thiết bị điện lại tăng tỷ trọng từ 5,8% lên 8,0%; ngành sản xuất tivi, radio và thiết bị truyền thông tỷ trọng cũng tăng nhẹ, từ 1,1% lên 1,4%. Tuy nhiên, nếu tính tổng cả bốn ngành công nghiệp chế tạo trên, với tỷ trọng chiếm tới hơn 22% vào năm 2001, nhưng đến năm 2008 tỷ trọng chỉ còn 14,5% - điều này cho thấy đóng góp của nhóm ngành chế tạo có hàm lượng

công nghệ tương đối cao cho ngành công nghiệp đã giảm. Ngược lại, nhóm ngành sản xuất tận dụng lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên có xu hướng tăng tỷ trọng đóng góp cho ngành công nghiệp; cụ thể là ngành dệt may tỷ trọng tăng từ 9,6% (năm 2001) lên 14% (năm 2008) và ngành sản xuất đồ gỗ tỷ trọng tăng từ 1,1% (năm 2001) lên 5,1% vào năm 2008.

Như vậy, có thể thấy rằng, trong nội bộ nhóm ngành công nghiệp chế biến, sự chuyển dịch cơ cấu ngành diễn ra không như mong muốn. Nhóm ngành chế tạo máy móc thiết bị có hàm lượng khoa học cao lại giảm về tỷ trọng; ngược lại nhóm ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động giản đơn (như dệt may, đồ gỗ) lại có xu hướng tăng; các ngành còn lại không có sự chuyển biến rõ rệt về tỷ trọng.

- Nhóm ngành dịch vụ

Nhóm ngành dịch vụ, xét trên tổng thể, trong thời gian qua không có sự chuyển dịch lớn về cơ cấu. Vậy trong nội bộ nhóm ngành này thì sao?

BẢNG 5: Cơ cấu một số phân ngành dịch vụ ở Đồng Nai (đ/v: %)

Phân ngành	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Trung bình
Thương mại	29,6	27,6	27,1	25,1	28,9	29,0	28,3	28,5	28
Khách sạn, nhà hàng	9,5	9,8	9,1	7,2	6,4	6,5	7,0	7,0	7,8
Vận tải, kho bãi, thông tin	8,2	8,5	10,5	11,2	10,7	10,6	11,0	11,1	10,2
Tài chính, tín dụng	9,4	9,7	10,4	11,0	10,1	10,0	11,0	11,7	10,4
Bất động sản và tư vấn	19,4			18,9	18,1	19,3	20,3	20,2	19,4
Các dịch vụ khác	24,0			26,6	25,8	24,7	22,4	21,6	24,2

Nguồn: Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2008.

Bảng 5 trình bày cơ cấu một số phân ngành dịch vụ ở Đồng Nai trong giai đoạn 2001 – 2008. Đây là những phân ngành dịch vụ phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh. Có thể thấy rõ ràng rằng, phân ngành thương mại không thể hiện chiều hướng tăng, giảm rõ rệt; tỷ trọng bình quân của phân ngành này là 28% trong 8 năm qua. Phân ngành khách sạn, nhà hàng có xu hướng giảm rõ nét, từ 9,5% giá trị sản xuất năm 2001, xuống chỉ còn 7,0% năm 2008. Ngược lại, các phân ngành vận tải, kho bãi, thông tin, tài chính, tín dụng và bất động sản và tư vấn có chiều hướng tăng lên. Phân ngành vận tải kho bãi có sự tăng trưởng

mạnh nhất, từ 8,2% (năm 2001) lên 11,1% (năm 2008). Điều này có lẽ là do lợi thế của Đồng Nai với vị trí địa lý gần thành phố Hồ Chí Minh và ở trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Hơn nữa, trong những năm gần đây, hạ tầng giao thông, đô thị và khu công nghiệp phát triển, tạo điều kiện cho sự phát triển của hoạt động vận tải, kho bãi, đặc biệt tại khu vực Long Thành, Nhơn Trạch. Phân ngành tài chính, tín dụng cũng tăng đều đặn, dù mức tăng không lớn, từ 19,4% lên 20,2%. Tỷ trọng của nhóm bất động sản và tư vấn chững lại trong thời kỳ 2004- 2005 nhưng đã tăng trở lại trong những năm gần đây, có lẽ do sự gia tăng của

hoạt động đầu tư bất động sản các khu đô thị mới.

Nhìn chung, trong nội bộ ngành dịch vụ, có sự dịch chuyển cơ cấu theo hướng phát triển mạnh một số nhóm ngành dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ cho sự phát triển của các ngành công nghiệp Đồng Nai và gắn liền với sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đây là sự chuyển dịch tương đối đúng hướng. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển cả nhóm ngành dịch vụ thì Đồng Nai còn nhiều việc phải làm.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng

Do đặc điểm kinh tế, địa lý cùng với sự tác động qua lại của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa những năm qua, có thể phân định vùng kinh tế của Đồng Nai thành ba tiểu vùng:

• Tiểu vùng kinh tế nam Đồng Nai

Tiểu vùng kinh tế nam Đồng Nai (gồm thành phố Biên Hòa và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành) tiếp giáp với thành phố Hồ Chí Minh, nằm trong trục kinh tế động lực dọc theo quốc lộ 51, kết nối hai trung tâm kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là thành phố Biên Hòa và thành phố Vũng Tàu. Do vị trí địa lý nằm gần các khu đô thị lớn, đặc biệt là gần thành phố Hồ Chí Minh, khu vực này có nhiều khu công nghiệp và đô thị của tỉnh. Theo số liệu thống kê năm 2007 của tỉnh Đồng Nai, tiểu vùng có dân số 892 nghìn người, chiếm 39,5% dân số toàn tỉnh với tỷ lệ đô thị hóa là 64,4%, GDP đạt 20,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 59,8% GDP toàn tỉnh, GDP bình quân đầu người đạt 23 triệu đồng, xấp xỉ 1440 USD, cơ cấu kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ, chiếm tương ứng là 68% và 27% GDP của vùng. Do điều kiện địa lý, địa hình liền kề với thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa – Vũng Tàu, thuận lợi giao thông Bắc – Nam và Đông – Tây, tiểu vùng có tiềm năng lớn về phát triển công nghiệp và dịch vụ. Đặc biệt, trong thời gian tới, Nhà nước sẽ xây dựng sân bay quốc tế ở Long Thành để thay thế sân bay Tân Sơn Nhất đã quá tải và khu vực Long Thành cũng hình thành tổng kho trung chuyển... Những ưu thế

trên là điều kiện thuận lợi để tiểu vùng tiếp tục đóng vai trò là động lực, đầu tàu kinh tế của tỉnh Đồng Nai.

• Tiểu vùng kinh tế đông Đồng Nai

Tiểu vùng kinh tế đông Đồng Nai bao gồm thị xã Long Khánh và các huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Xuân Lộc và Cẩm Mỹ. Các địa phương này nằm trên trục phát triển dọc theo hành lang quốc lộ 1A và quốc lộ 56. Đây là vùng đồng bằng trung tâm của tỉnh, nằm trong vành đai phát triển về phía Bắc – Đông Bắc của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Năm 2007, tiểu vùng có dân số khoảng 847 nghìn người, diện tích 1.909 km² - chiếm 38,7% về dân số và 32,3% về diện tích đất toàn tỉnh; tỷ lệ đô thị hóa của vùng 10,8%, thấp hơn tiểu vùng kinh tế nam Đồng Nai; GDP của tiểu vùng đạt 10,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 31,2% GDP toàn tỉnh; GDP bình quân đầu người đạt 12,3 triệu đồng, bằng 1/2 của tiểu vùng kinh tế phía nam; cơ cấu kinh tế của tiểu vùng: nông nghiệp 24%, công nghiệp 45% và dịch vụ 31%. So với cơ cấu kinh tế tỉnh, thì tỷ trọng nông nghiệp của vùng cao hơn, nhưng tỷ trọng công nghiệp lại thấp hơn, còn tỷ trọng dịch vụ tiểu vùng xấp xỉ mức bình quân chung của tỉnh. Đây là tiểu vùng sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh của tỉnh Đồng Nai, giá trị sản xuất nông nghiệp hiện chiếm 52% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp cả tỉnh. Trong thời gian tới, đây vẫn là vùng trọng điểm của sản xuất nông nghiệp hàng hóa của Đồng Nai. Công nghiệp có sự phát triển khá nhanh và có tiềm năng tăng trưởng cao trong thời gian tới, nhất là sau năm 2010, do tiểu vùng có lợi thế về mặt bằng, không gian để mở rộng các khu công nghiệp.

• Tiểu vùng kinh tế tây Đồng Nai

Tiểu vùng kinh tế tây Đồng Nai bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú và Định Quán. Tiểu vùng có diện tích 2.813 km², năm 2007 dân số tiểu vùng là 492,5 nghìn người, chiếm 47,7% diện tích và 21,8% dân số toàn tỉnh; dân số đô thị chỉ chiếm 8% và tỉ lệ đô thị hóa đạt 11,8%. Đây là tiểu vùng kinh tế có điều kiện khó khăn của tỉnh Đồng Nai, giai đoạn

2001-2005 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân chỉ bằng 2/3 tốc độ bình quân chung của tỉnh. Năm 2007, GDP của tiểu vùng đạt 3,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 9% tổng GDP của tỉnh, GDP bình quân đầu người đạt 6,3 triệu, tương đương 393 USD, chỉ bằng 1/4 GDP vùng nam Đồng Nai. Do nằm xa trung tâm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, địa bàn phần lớn là rừng núi chiếm trên 50% diện tích, kết cấu hạ tầng kém phát triển nên kinh tế tiểu vùng chênh lệch khá lớn với các vùng khác trong tỉnh. Do điều kiện địa lý và tự nhiên, cơ cấu kinh tế của vùng chủ yếu là nông- lâm-nghiệp, dịch vụ phát triển khá chậm, công nghiệp đã bắt đầu phát triển nhanh hơn trong các năm gần đây- tuy nhiên, qui mô vẫn còn nhỏ bé. Đến năm 2007 cơ cấu kinh tế của tiểu vùng là: nông nghiệp 40%, dịch vụ 23% và công nghiệp 37%. Tiểu vùng kinh tế phía tây gắn với hồ Thủy điện, vườn quốc gia và là đầu nguồn sông Đồng Nai nên yêu cầu bảo vệ môi trường và sinh thái rất nghiêm ngặt. Vì vậy hoạt động kinh tế, nhất là phát triển công nghiệp đòi hỏi phải phải tính toán cân nhắc thận trọng và điều này cũng hạn chế phần nào tăng trưởng của vùng. Do đất đai rộng rãi nên tiểu vùng còn tiềm năng lớn về phát triển nông-lâm nghiệp nếu biết áp dụng khoa học kỹ thuật

để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Định hướng phát triển các ngành kinh tế của tiểu vùng : trên cơ sở phát triển nông-lâm nghiệp, phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản; ngoài ra, phát triển công nghiệp khai khoáng và vật liệu xây dựng để tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và lao động dồi dào của tiểu vùng.

Như vậy, có thể thấy Đồng Nai đã hình thành ba tiểu vùng kinh tế với đặc trưng khác nhau; cơ cấu kinh tế theo tiểu vùng có sự phát triển không đồng đều. Điều này làm cho khoảng cách phát triển giữa các vùng bị nới rộng ra, tuy nhiên đây là điều khó tránh khỏi trong giai đoạn đầu phát triển. Các vùng có điều kiện tăng trưởng mạnh sẽ đi trước, đóng vai trò đầu tàu để kéo các vùng còn lại phát triển và đến một giai đoạn nào đó, khoảng cách giữa các vùng sẽ thu hẹp. Hơn nữa, việc phát triển các vùng khác nhau với cơ cấu kinh tế khác nhau là điều phù hợp để khai thác tối đa lợi thế của các vùng.

3. Chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế

Trong những năm qua, các thành phần kinh tế của Đồng Nai cũng có sự chuyển dịch khá mạnh mẽ trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển.

BẢNG 6: Cơ cấu kinh tế của Đồng Nai - theo thành phần kinh tế (đ/v: %)

Thành phần kinh tế	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	Trung bình
Kinh tế nhà nước	29,9	28,4	26,9	26,5	24,7	23,5	22,6	21,7	20,2	24,9
Kinh tế tập thể	0,6	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,7	0,6	0,6	0,5
Kinh tế tư nhân	8,8	10,4	12,4	13,7	12,9	14,2	15,0	15,2	15,5	13,1
Kinh tế cá thể	30,7	29,0	26,3	22,2	22,6	22,2	21,4	21,7	22	24,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	30,1	31,8	33,8	37,1	39,2	39,6	40,3	40,9	41,7	37,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2009.

- **Kinh tế nhà nước** tiếp tục đóng vai trò quan trọng, là công cụ để Nhà nước điều tiết kinh tế, giữ vững định hướng XHCN của kinh tế thị trường. Theo giá thực tế, tổng sản phẩm của thành phần kinh tế nhà nước tăng từ 4.560 tỷ đồng năm 2001 lên 12.513 tỷ đồng năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân, chưa loại trừ lạm phát, khoảng

14,4%/năm. Tuy nhiên, tỷ trọng của thành phần kinh tế nhà nước trong kinh tế Đồng Nai đã giảm gần một phần ba, từ 29, 9% năm 2001, xuống còn 20,2% năm 2009, do tốc độ tăng trưởng của các thành phần kinh tế khác còn cao hơn.

- **Kinh tế cá thể** có tăng trưởng bình quân khá, khoảng 14, 4%; tỷ trọng của khu vực

này cũng giảm dần qua từng năm, từ 30,7% năm 2001 xuống 22% năm 2009.

- *Kinh tế tập thể* vẫn kém phát triển, mặc dù được quan tâm và có nhiều ưu đãi; tỷ trọng của kinh tế tập thể là không đáng kể, chỉ chiếm khoảng 0,6% GDP toàn tỉnh; năm 2009, GDP của kinh tế tập thể ở Đồng Nai là 371 tỷ đồng. Tuy nhiên, có thể có đôi chút lạc quan khi tỷ trọng của kinh tế tập thể hầu như không thay đổi trong hơn 10 năm qua, chứng tỏ nó vẫn còn có sức sống, dù tỷ trọng nhỏ bé.

- *Kinh tế tư nhân* đã tăng gần gấp đôi về tỷ trọng, từ 8,8% năm 2001 lên 15,5% năm 2009.

Đây là một trong những động lực tăng trưởng kinh tế của Đồng Nai trong thời gian qua.

- *Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* cũng gia tăng ảnh hưởng: đóng góp vào GDP của tỉnh không ngừng tăng, từ 30,1% năm 2001 lên 41,7% năm 2009. Vậy thành phần kinh tế nào đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh? Là một tỉnh công nghiệp với nhóm ngành công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong GDP và là nhóm ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Vì vậy, để trả lời câu hỏi trên, chúng ta có thể xem xét đóng góp của từng thành phần kinh tế vào cơ cấu công nghiệp của Đồng Nai.

BẢNG 7: Cơ cấu sản xuất công nghiệp của Đồng Nai-theo thành phần kinh tế (đ/v: %)

Thành phần kinh tế	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Trung bình
Kinh tế nhà nước	15,3	14,0	12,9	10,9	9,7	8,9	9,0	7,8	11,1
Kinh tế tập thể	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,1	0,1	0,1
Kinh tế tư nhân	6,7	8,3	9,4	8,5	9,0	8,8	8,3	7,8	8,4
Kinh tế cá thể	0,9	1,0	1,0	1,1	1,1	1,0	1,0	0,9	1,0
Kinh tế có vốn nước ngoài	77,0	76,8	76,6	79,5	80,2	81,3	81,7	83,3	79,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2008.

Bảng 7 cho thấy, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò lớn trong sản xuất công nghiệp của tỉnh, với tỷ trọng bình quân chiếm gần 80% và có xu hướng tăng từng năm, từ 77% năm 2001 lên 83,3% năm 2008; kinh tế nhà nước đứng thứ hai, với tỷ trọng bình quân chiếm 11%, tuy nhiên, xu

hướng đang giảm mạnh, từ 15% năm 2001 xuống còn 7,8% năm 2008; kinh tế tập thể và kinh tế cá thể có vai trò không đáng kể trong sản xuất công nghiệp; kinh tế tư nhân cũng mới chỉ đóng vai trò nhỏ bé, bình quân 8,4% giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2001-2008 và không tăng, thậm chí còn giảm.

BẢNG 8: Cơ cấu lao động công nghiệp Đồng Nai-theo thành phần kinh tế (đ/v: %)

Thành phần kinh tế	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	Trung bình
Kinh tế nhà nước	16,7	12,6	11,4	9,3	8,0	7,1	5,7	5,3	5,4	9,1
Kinh tế tập thể	0,5	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3
Kinh tế tư nhân	15,6	16,7	17,6	15,1	14,1	14,3	14,0	13,5	14,5	15
Kinh tế cá thể	11,6	9,9	8,2	8,3	8,6	7,6	7,8	7,4	7,4	8,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	55,6	60,5	62,5	67,0	69,1	70,9	72,2	73,6	72,4	67,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Đồng Nai 2001 - 2009

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lao động công nghiệp lớn nhất với tỷ lệ trung bình 10 năm là 67% và có xu hướng tăng, từ 55,6% năm 2001 lên 72,4% vào năm 2009; tiếp theo là các doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng khoảng 15%,

nhưng xu hướng giảm dần trong thời gian gần đây. Cũng như khu vực tư nhân, khu vực kinh tế cá thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, tỷ trọng bình quân chiếm 8,5%, nhưng xu hướng không tăng mà giảm dần. Khu vực kinh tế nhà nước tỷ trọng lao

động công nghiệp đang giảm mạnh, từ 16,7% năm 2001 xuống chỉ còn 5,4% năm 2009; tính bình quân cả thời kỳ khu vực này chỉ giải quyết được khoảng 9% lực lượng lao động sản xuất công nghiệp của tỉnh. Khu vực kinh tế tập thể đóng góp không đáng kể vào việc giải quyết việc làm trong sản xuất công nghiệp của tỉnh, bình quân 0,3%.

Bảng 9 cho thấy năng suất lao động trong các thành phần kinh tế trong ngành công nghiệp Đồng Nai. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có năng suất lao động cao, tính trung bình, 1 lao động tạo ra sản phẩm trị giá 614 triệu đồng/năm (năm 2008), cao hơn

nhiều năng suất lao động bình quân trong khu vực kinh tế cá thể, tập thể và gấp đôi khu vực kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, tốc độ tăng năng suất lao động trong khu vực kinh tế nhà nước lại cao hơn khu vực kinh tế có vốn nước ngoài. Nếu như năm 2001, năng suất lao động bình quân của khu vực này chỉ bằng 2/3 của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thì tới năm 2008 đã vượt khu vực có vốn nước ngoài tới 30%. Điều này cho thấy các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn tập trung nhiều vào các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, có năng suất vừa phải.

BẢNG 9: Năng suất lao động công nghiệp ở Đồng Nai theo thành phần kinh tế
(Đ/v: triệu đồng/năm)

Thành phần kinh tế	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Trung bình
Kinh tế nhà nước	257	320	327	355	422	493	679	800	457
Kinh tế tập thể	41	45	50	48	74	101	113	124	74
Kinh tế tư nhân	121	143	154	170	222	243	258	316	203
Kinh tế cá thể	23	28	34	40	44	49	55	69	43
Kinh tế có vốn nước ngoài	391	366	353	358	404	450	491	614	428

Nguồn: Tính toán từ số liệu Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2008

Như vậy, cơ cấu thành phần kinh tế của Đồng Nai đã có sự chuyển dịch khá rõ nét theo hướng phát triển mạnh kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng chi phối, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp. Tuy vậy, kinh tế tư nhân còn nhỏ bé về qui mô và yếu kém về trình độ công nghệ với năng suất lao động còn thấp. Sự chuyển dịch này một mặt góp phần tích cực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh; mặt khác, nó làm tăng sự phụ thuộc của Đồng Nai vào nước ngoài. Tuy đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng, nhưng nếu không phát huy được nội lực, thì sự phát triển cũng sẽ bị giới hạn. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, không nước nào có thể thành công chỉ nhờ vào đầu tư nước ngoài; hầu hết các nước đã tăng trưởng bền vững đều nhờ nội lực và khéo léo tận dụng ngoại lực.

4. Giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế Đồng Nai

• Về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

- Trong ngành nông nghiệp, cần đầu tư nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng kỹ thuật mới, giống mới vào sản xuất. Với những lợi thế của tỉnh, Đồng Nai hoàn toàn có thể xây dựng được nền nông nghiệp hiện đại. Rào cản hiện nay chính là qui mô sản xuất nhỏ lẻ của hộ gia đình với nhận thức và trình độ của nông dân còn thấp. Dù muốn hay không, để phát triển nông nghiệp hàng hóa, hiện đại cần phải tăng qui mô sản xuất để áp dụng kỹ thuật, tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng nhất, dễ dàng giải quyết đầu vào, đầu ra với giá cả có lợi. Củng cố và xây dựng hệ thống hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới là hướng đi cần thiết để giải quyết bài toán này. Vấn đề là tìm mô hình thích hợp và tuyên truyền để nông dân nhận thức được lợi ích của việc gia nhập hợp tác xã. Bên cạnh mô hình hợp tác xã, sự hình thành các trang trại nông nghiệp qui mô lớn của doanh nghiệp và cá nhân cần được khuyến khích và hỗ trợ.

+ Trong ngành trồng trọt, Đồng Nai cần tích cực qui hoạch các vùng sản xuất chuyên

canh, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp vào sản xuất, đưa sản xuất theo tiêu chuẩn sạch, tiêu chuẩn quốc tế như GLOBAL GAP vào áp dụng, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, gắn với thị trường trong và ngoài nước.

+ Với ngành chăn nuôi, cần nâng cao tỷ trọng ngành chăn nuôi đưa chăn nuôi lên ngang tầm với trồng trọt. Với lợi thế là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam, nhu cầu các sản phẩm chăn nuôi đang tăng nhanh cùng với sự phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa, có nhiều nhà máy chế biến thức ăn, có diện tích đất và có nguồn thức ăn phong phú... Đồng Nai hoàn toàn có khả năng phát triển mạnh ngành chăn nuôi qui mô trang trại hiện đại, năng suất cao. Đây cũng là phương án góp phần phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn của Đồng Nai. Để phát triển chăn nuôi theo hướng hiện đại, tỉnh cần có qui hoạch khu chăn nuôi tập trung, hỗ trợ tín dụng cho hộ chăn nuôi mở rộng chuồng trại, thay đổi con giống, hỗ trợ giống ngoại, giống lai F1 chất lượng tốt, hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, chế biến thức ăn, tổ chức tốt công tác tiêm phòng thú y và xử lý khi có dịch bệnh.

Điểm yếu của Đồng Nai hiện nay là chưa có các đơn vị nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao kỹ thuật trong lĩnh vực này. Do đó, tỉnh cần có kế hoạch liên kết với cơ sở nghiên cứu trong nước và một số tổ chức nghiên cứu hoặc tổ chức phi chính phủ quốc tế để có trợ giúp kỹ thuật. Về lâu dài cần tính đến việc thành lập cơ sở nghiên cứu, đào tạo về nông nghiệp và công nghệ sinh học tại địa phương.

- Trong công nghiệp, cần nâng tỷ trọng các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng lớn. Hiện nay các ngành công nghiệp ở Đồng Nai chủ yếu là các ngành sử dụng nhiều lao động, gia công và sơ chế là chính. Giải pháp cơ bản cho vấn đề này là tích cực thu hút đầu tư trong và ngoài nước với cơ chế và chính sách ưu đãi, chuẩn bị cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực cho các ngành này. Trong đó, cần chú ý phát triển ngành công nghiệp cơ khí chế tạo và một vài ngành công

ng nghiệp tiềm năng như tự động hóa, điện tử, thiết bị viễn thông.

+ Hạn chế dân, qui hoạch và quản lý chặt chẽ các ngành công nghiệp, các doanh nghiệp có nguy cơ cao trong việc gây ô nhiễm môi trường như các ngành hóa chất, chế biến nông sản...

+ Tập trung phát triển mạnh nhóm ngành dịch vụ để nâng cao tỷ trọng nhóm ngành này, trong đó, Đồng Nai có lợi thế phát triển ngành dịch vụ vận tải, kho bãi. Cùng với sự mở rộng đô thị hóa, tỉnh cũng sẽ có lợi thế phát triển ngành kinh doanh bất động sản và các dịch vụ đô thị. Tuy nhiên, thế mạnh lâu dài của Đồng Nai vẫn phải là công nghiệp và các ngành dịch vụ phục vụ cho phát triển công nghiệp.

• Về chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế

- Vùng kinh tế phía Nam sẽ tiếp tục là đầu tàu kinh tế của tỉnh. Sự phát triển của vùng này sẽ ngày càng sôi động với sự hình thành thành phố Nhơn Trạch và các khu công nghiệp, đô thị ở Nhơn Trạch và Long Thành. Đây sẽ là trung tâm kinh tế, công nghiệp, giao thông không chỉ của Đồng Nai mà của cả vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng Nai cần có sự chuẩn bị để khai thác tiềm năng phát triển của vùng kinh tế này, trong đó, quan trọng nhất là công tác qui hoạch hạ tầng giao thông, đô thị và khu công nghiệp, chuẩn bị đội ngũ cán bộ, đội ngũ lao động và giải quyết các vấn đề xã hội gắn với đô thị hóa, công nghiệp hóa, các vấn đề việc làm và chuyển đổi sản xuất của nông dân.

- Vùng kinh tế phía Đông sẽ vẫn là vùng trọng tâm phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp qui mô lớn, hàng hóa. Cần tiếp tục qui hoạch phát triển mạnh các vùng trồng trọt chuyên canh, các vùng chăn nuôi tập trung qui mô lớn. Phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, các ngành gắn với nông nghiệp như chế biến nông sản, thức ăn chăn nuôi...

- Vùng kinh tế phía Tây, do điều kiện tự nhiên, vẫn gặp nhiều khó khăn. Phương án phát triển vẫn là khai thác các tiềm năng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của địa phương, đồng thời phát triển các

ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, có trình độ công nghệ vừa phải. Dưới áp lực cạnh tranh lao động, nhiều ngành công nghiệp sẽ phải rút dần khỏi các thành phố, trung tâm đô thị lớn và vùng kinh tế phía Tây cần có sự chuẩn bị để đón làn sóng này.

• Về chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

Cơ cấu thành phần kinh tế của Đồng Nai trong những năm qua vận động theo hướng giảm tỷ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế cá thể, tăng tỷ trọng kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn nước ngoài. Kinh tế tập thể chiếm tỷ lệ nhỏ bé và hầu như không thay đổi. Trong những năm tới, tỉnh cần có các giải pháp để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao tỷ trọng và qui mô của thành phần kinh tế này, đồng thời tiếp tục giảm tỷ trọng kinh tế nhà nước. Kinh tế có vốn nước ngoài tiếp tục sẽ là bộ phận quan trọng trong kinh tế của tỉnh, nhưng về lâu dài, cần nâng cao tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong nước, tránh sự phụ thuộc thái quá vào kinh tế có vốn nước ngoài. Kinh tế tập thể cần phải được vực dậy và phát triển theo hình thức mới, đặc biệt là trong nông nghiệp. Một số giải pháp để góp phần chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng này bao gồm:

- Hạn chế mở rộng hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có khả năng đảm nhiệm. Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa và sắp xếp lại hoạt động của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước.

- Xóa các ưu tiên, ưu đãi về đất đai, tín dụng..., đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng phải cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác dựa trên những quy luật của thị trường.

- Đối xử bình đẳng đối với các thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ. Có các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn và đất đai cho các doanh nghiệp này.

- Tích cực thu hút các doanh nghiệp trong nước đầu tư ở Đồng Nai. Với các doanh nghiệp nước ngoài, hạn chế dần các doanh nghiệp trong các ngành không ưu tiên, các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, sử dụng công nghệ thấp, lạc hậu, khả năng cạnh tranh kém.

- Phát triển mô hình hợp tác xã theo hình thức mới, đặc biệt là trong nông nghiệp. Để phát triển nông nghiệp hiện đại, đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm, quản lý tốt sản phẩm từ sản xuất đến tiêu thụ và hạ được giá thành thì nhất thiết phải phát triển các hợp tác xã và tổ hợp tác trong nông nghiệp. Sản xuất nhỏ, manh mún, tự phát ở qui mô hộ gia đình sẽ dần bị loại bỏ và không thể cạnh tranh trong tương lai. Vì thế, nông dân cần phải được tổ chức theo nhóm, tổ, hợp tác xã. Khi đó họ có thể mua giá rẻ hơn, bán giá cao hơn, được hỗ trợ kỹ thuật, sản phẩm đồng đều, có thương hiệu và có thể tham gia vào chuỗi cung ứng cho các siêu thị, nhà hàng, khách sạn. Ban đầu, Đồng Nai có thể thử nghiệm một số mô hình, sau đó nhân rộng ra nếu thành công.

Một cơ cấu kinh tế hiện đại, khai thác được lợi thế địa phương là mục tiêu hướng đến của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng Nai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acemoglu, D (2009), *An Introduction to modern economic growth*, Princeton University Press.
2. Alesina, A and D. Perroti (1996) "Income Distribution, Political Instability and Investment", *European Economic Review* 40 (6): 1203-28.
3. Nguyễn Trung (2009) "Lời nguyên tài nguyên và nguy cơ một đất nước làm thuê", *Tuần Vietnamnet* ngày 30-12-2009.
4. *Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2009*.
5. *Niên giám thống kê Việt Nam 2005 - 2008*
6. Thái Sơn (2003) "Phát triển kinh tế nhìn từ chất lượng tăng trưởng", *Tạp chí Thông tin tài chính*, số 24.
7. Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ 8.
8. VCCI, *Báo cáo chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh 2006 - 2009*.
9. Viện khoa học tài chính (2009) "Chính sách, giải pháp đảm bảo cho kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay", *Kỷ yếu hội thảo khoa học*.
10. Vũ Lê (2010), "Khu đô thị hoang Nhơn Trạch", *Vnexpress.net* ngày 2-4-2010.

ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, có trình độ công nghệ vừa phải. Dưới áp lực cạnh tranh lao động, nhiều ngành công nghiệp sẽ phải rút dần khỏi các thành phố, trung tâm đô thị lớn và vùng kinh tế phía Tây cần có sự chuẩn bị để đón làn sóng này.

• Về chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế

Cơ cấu thành phần kinh tế của Đồng Nai trong những năm qua vận động theo hướng giảm tỷ trọng kinh tế nhà nước và kinh tế cá thể, tăng tỷ trọng kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn nước ngoài. Kinh tế tập thể chiếm tỷ lệ nhỏ bé và hầu như không thay đổi. Trong những năm tới, tỉnh cần có các giải pháp để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư nhân, nâng cao tỷ trọng và qui mô của thành phần kinh tế này, đồng thời tiếp tục giảm tỷ trọng kinh tế nhà nước. Kinh tế có vốn nước ngoài tiếp tục sẽ là bộ phận quan trọng trong kinh tế của tỉnh, nhưng về lâu dài, cần nâng cao tỷ trọng của các thành phần kinh tế trong nước, tránh sự phụ thuộc thái quá vào kinh tế có vốn nước ngoài. Kinh tế tập thể cần phải được vực dậy và phát triển theo hình thức mới, đặc biệt là trong nông nghiệp. Một số giải pháp để góp phần chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng này bao gồm:

- Hạn chế mở rộng hoạt động của khu vực kinh tế nhà nước ở những ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có khả năng đảm nhiệm. Tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa và sắp xếp lại hoạt động của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước.

- Xóa các ưu tiên, ưu đãi về đất đai, tín dụng..., đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng phải cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác dựa trên những quy luật của thị trường.

- Đối xử bình đẳng đối với các thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp có qui mô vừa và nhỏ. Có các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn và đất đai cho các doanh nghiệp này.

- Tích cực thu hút các doanh nghiệp trong nước đầu tư ở Đồng Nai. Với các doanh nghiệp nước ngoài, hạn chế dần các doanh nghiệp trong các ngành không ưu tiên, các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, sử dụng công nghệ thấp, lạc hậu, khả năng cạnh tranh kém.

- Phát triển mô hình hợp tác xã theo hình thức mới, đặc biệt là trong nông nghiệp. Để phát triển nông nghiệp hiện đại, đảm bảo số lượng, chất lượng sản phẩm, quản lý tốt sản phẩm từ sản xuất đến tiêu thụ và hạ được giá thành thì nhất thiết phải phát triển các hợp tác xã và tổ hợp tác trong nông nghiệp. Sản xuất nhỏ, manh mún, tự phát ở qui mô hộ gia đình sẽ dần bị loại bỏ và không thể cạnh tranh trong tương lai. Vì thế, nông dân cần phải được tổ chức theo nhóm, tổ, hợp tác xã. Khi đó họ có thể mua giá rẻ hơn, bán giá cao hơn, được hỗ trợ kỹ thuật, sản phẩm đồng đều, có thương hiệu và có thể tham gia vào chuỗi cung ứng cho các siêu thị, nhà hàng, khách sạn. Ban đầu, Đồng Nai có thể thử nghiệm một số mô hình, sau đó nhân rộng ra nếu thành công.

Một cơ cấu kinh tế hiện đại, khai thác được lợi thế địa phương là mục tiêu hướng đến của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng Nai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acemoglu, D (2009), *An Introduction to modern economic growth*, Princeton University Press.
2. Alesina, A and D. Perroti (1996) "Income Distribution, Political Instability and Investment", *European Economic Review* 40 (6): 1203-28.
3. Nguyễn Trung (2009) "Lời nguyên tài nguyên và nguy cơ một đất nước làm thuê", *Tuần Vietnamnet* ngày 30-12-2009.
4. *Niên giám thống kê Đồng Nai 2005 - 2009*.
5. *Niên giám thống kê Việt Nam 2005 - 2008*
6. Thái Sơn (2003) "Phát triển kinh tế nhìn từ chất lượng tăng trưởng", *Tạp chí Thông tin tài chính*, số 24.
7. Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ 8.
8. VCCI, *Báo cáo chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh 2006 - 2009*.
9. Viện khoa học tài chính (2009) "Chính sách, giải pháp đảm bảo cho kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh và bền vững trong giai đoạn hiện nay", *Kỷ yếu hội thảo khoa học*.
10. Vũ Lê (2010), "Khu đô thị hoang Nhơn Trạch", *Vnexpress.net* ngày 2-4-2010.